TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2026.
V/v tranh chấp xin ly hôn nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Thanh Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Phạm Thị Việt Hồng**
2. **Bà Trần Thị Mộng Lành**

***- Thư ký phiên tòa*: Ông Cao Vũ Linh –** Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – An Giang tham gia phiên tòa**:* **Ông Nguyễn Văn Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 173/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Lê Thị Tuyết L**, sinh năm 1994 *(Có mặt)*

Căn cước công dân số 091194000701 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/04/2021.

Địa chỉ: T, xã A, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* **Anh Danh Đ,** sinh năm 1988 *(Vắng mặt)*

Căn cước công dân số 091088000812 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/04/2021

Địa chỉ: T, xã A, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L trình bày: Sau quá trình tìm hiểu, chị L và anh Đ tự nguyện chung sống vợ chồng, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/10/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng

thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xung đột do tính tình không còn phù hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, đời sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng giữa chị L giành cho anh Đ hiện nay không còn, do đó chị L xin được ly hôn với anh Đ. Chị L và anh Đ sống ly thân đã hơn 03 năm nay.

Về con chung: Bà L và ông Đ có hai người con chung là Danh Lê Khánh H, sinh ngày 27/01/2012 và Danh Lê Khánh H1, sinh ngày 20/07/2019. Bà L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H và cháu H1 đến tuổi trưởng thành không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị L xác nhận không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn anh Danh Đ nhưng anh Đ đều vắng mặt.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án. Riêng anh Danh Đ vi phạm các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về nội dung vụ án thì xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Danh Đ có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã A, tỉnh An Giang, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn anh Danh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang nay là xã A, tỉnh An Giang vào ngày 29/10/2013. Chị L và anh Đ đều đã đủ tuổi trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn do đó có cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị L và anh Đ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống gia đình bà và anh Đ không có tiếng nói chung, mỗi người đều có quan điểm riêng của mình, không ai chịu nhường nhịn ai nên từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Chị L và anh Đ đã sống ly hơn 03 năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Đ để ghi nhận ý kiến của ông nhưng anh Đ đều vắng mặt, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, qua đó thể hiện anh Đ đã không có nguyện vọng khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L như trình bày của chị L tại phiên tòa là có cơ sở.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Tuyết L được ly hôn với anh Danh Đ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh Đ có hai người con chung Danh Lê Khánh H, sinh ngày 27/01/2012 và Danh Lê Khánh H1, sinh ngày 20/07/2019. Chị Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H và cháu H1 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Tuyết L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Lê Thị Tuyết L phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Tuyết L được ly hôn với anh Danh Đ.

2. Về con chung: Giao hai người con chung là Danh Lê Khánh H, sinh ngày 27/01/2012 và Danh Lê Khánh H1, sinh ngày 20/07/2019 cho chị Lê Thị Tuyết L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Tuyết L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Tuyết L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000225 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy chị L đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang
- VKSND Khu vực 7-An Giang;
- THADS An Giang;
- UBND xã An Biên, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn